

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN
VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CCIC HÀ NỘI**
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN
VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CCIC HÀ NỘI**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 22

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Xây dựng CCIC Hà Nội trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Xây dựng CCIC Hà Nội (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103007859 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 11 tháng 5 năm 2005 và thay đổi lần thứ hai ngày 23 tháng 10 năm 2007.

Tên giao dịch : Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Xây dựng CCIC Hà Nội.

Tên viết tắt : CCIC

Trụ sở chính của Công ty tại số 21, phố Huỳnh Thúc Kháng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quốc Hùng	Chủ tịch
Ông Đặng Văn Châu	Ủy viên
Ông Đỗ Đình Long	Ủy viên
Ông Nguyễn Anh Đức	Ủy viên
Bà Trần Kim Phương	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này:

Ban Giám đốc

Ông Đặng Văn Châu	Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Hiếu	Phó Giám đốc
Ông Đỗ Đình Long	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Đức	Phó Giám đốc
Bà Trần Thị Thanh Minh	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đã được thuyết minh trong Báo cáo tài chính hay chưa;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở giả định hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Đặng Văn Châu

Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2013

Số: 263/2013/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
Về Báo cáo tài chính năm 2012
của Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Xây dựng CCIC Hà Nội

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Xây dựng CCIC Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 29/3/2013 của Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Xây dựng CCIC Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") từ trang 05 đến trang 22 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này căn cứ vào kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0779/KTV

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2013

Vũ Thị Hồng Quỳnh
Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1969/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CCIC HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+130+140+150)	100		53.552.982.736	58.997.275.105
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	1.859.800.968	2.365.104.159
1. Tiền	111		1.859.800.968	2.365.104.159
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		28.714.758.641	36.659.012.105
1. Phải thu khách hàng	131		26.538.216.276	34.367.810.802
2. Trả trước cho người bán	132		269.253.223	270.097.525
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		434.120.975	201.088.251
5. Các khoản phải thu khác	135	5.2	1.473.168.167	1.830.761.527
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	(10.746.000)
IV- Hàng tồn kho	140	5.3	21.280.221.413	18.131.241.733
1. Hàng tồn kho	141		21.280.221.413	18.131.241.733
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		1.698.201.714	1.841.917.108
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		9.950.000	6.877.272
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	1.688.251.714	1.835.039.836
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+260)	200		14.125.116.225	12.355.279.362
II- Tài sản cố định	220		13.201.122.163	11.583.171.683
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	2.672.880.026	2.894.323.637
- Nguyên giá	222		5.551.897.184	5.994.506.758
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.879.017.158)	(3.100.183.121)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.5	10.528.242.137	8.688.848.046
V- Tài sản dài hạn khác	260		923.994.062	772.107.679
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	923.994.062	772.107.679
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		67.678.098.961	71.352.554.467

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		56.030.328.072	58.900.162.174
I- Nợ ngắn hạn	310		50.978.567.475	52.264.173.129
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.8	10.671.795.816	13.190.171.000
2. Phải trả người bán	312		3.145.943.607	3.670.998.737
3. Người mua trả tiền trước	313		17.778.568.978	16.406.027.398
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.9	6.035.023.691	5.781.393.739
5. Phải trả người lao động	315		228.877.359	754.051.825
6. Chi phí phải trả	316	5.10	5.891.998.224	7.735.596.841
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.11	6.750.275.818	4.307.820.930
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		476.083.982	418.112.659
II- Nợ dài hạn	330		5.051.760.597	6.635.989.045
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.12	3.217.500.000	4.387.500.000
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	245.925.410
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		1.734.260.597	1.902.563.635
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		100.000.000	100.000.000
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		11.647.770.889	12.452.392.293
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.13	11.647.770.889	12.452.392.293
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		10.000.000.000	10.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.542.301	1.542.301
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.444.313.304	1.332.475.894
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		201.915.284	1.118.374.098
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		67.678.098.961	71.352.554.467

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	TM	31/12/2012	01/01/2012
		VND	VND
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		227.424.746	227.424.746
4. Nợ khó đòi đã xử lý		2.143.723.541	2.028.155.764

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc




Nguyễn Thị Thu Thủy

Nguyễn Thị Thu Huyền

Đặng Văn Châu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		19.611.164.473	37.529.628.520
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		131.163.797	882.939.269
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.14	19.480.000.676	36.646.689.251
4. Giá vốn hàng bán	11	5.15	13.704.339.376	28.117.028.477
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		5.775.661.300	8.529.660.774
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.16	27.973.572	73.615.343
7. Chi phí tài chính	22	5.17	1.186.390.058	1.672.358.728
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.186.390.058	1.672.358.728
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.18	4.250.563.528	6.142.971.137
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		366.681.286	787.946.252
11. Thu nhập khác	31	5.19	292.850.249	1.023.906.789
12. Chi phí khác	32		273.038.443	262.311.204
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		19.811.806	761.595.585
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		386.493.092	1.549.541.837
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.20	184.577.808	431.167.739
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		201.915.284	1.118.374.098
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.21	202	1.118

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Thu Thủy

Nguyễn Thị Thu Huyền

Đặng Văn Châu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2012	Năm 2011
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01	386.493.092	1.549.541.837
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	232.979.975	239.355.250
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(27.973.572)	1.598.743.385
- Chi phí lãi vay	06	1.186.390.058	1.672.358.728
3. <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	1.777.889.553	5.059.999.200
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	8.043.691.947	458.126.490
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(3.148.979.680)	3.076.025.262
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	264.425.175	(1.515.833.222)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(154.959.111)	(81.340.851)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(1.028.253.258)	(1.672.358.728)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(371.877.750)	(427.405.415)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	(34.167.334)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	5.381.936.876	4.863.045.402
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.850.930.455)	(7.638.956.079)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	27.973.572	73.615.343
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ đầu tư</i>	30	(1.822.956.883)	(7.565.340.736)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	7.305.573.816	15.145.530.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(10.993.949.000)	(10.579.182.500)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(375.908.000)	(1.000.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ tài chính</i>	40	(4.064.283.184)	3.566.347.500
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</i>	50	(505.303.192)	864.052.166
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.365.104.159	1.501.051.993
Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	1.859.800.968	2.365.104.159

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Thu Thủy

Nguyễn Thị Thu Huyền

Đặng Văn Châu

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Xây dựng CCIC Hà Nội (gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi từ cổ phần hóa Công ty Tư vấn Đầu tư Xây dựng Giao thông Công chính Hà Nội. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103007859 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 11/5/2005; thay đổi lần thứ 2 ngày 23/10/2007.

Vốn điều lệ của Công ty là 10.000.000.000 đồng. Tỷ lệ sở hữu vốn như sau:

Cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (VND)	Tỷ lệ sở hữu
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Hạ tầng Đô thị	300.000	3.000.000.000	30%
201 cổ đông khác	700.000	7.000.000.000	70%
Cộng	1.000.000	10.000.000.000	100%

Trụ sở giao dịch của Công ty: Số 21, phố Huỳnh Thúc Kháng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Số lao động bình quân: 160 người.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chủ yếu

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh gồm:

- Khảo sát địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn, thí nghiệm xác định các chỉ tiêu kỹ thuật của đất đá nền móng các công trình xây dựng, khảo sát kinh tế - xã hội và điều tra lưu lượng giao thông;
- Lập quy hoạch các khu đô thị, khu công nghiệp và quy hoạch hệ thống cơ sở hạ tầng;
- Lập dự án tiền khả thi, dự án khả thi và lập tổng dự toán các công trình : Kiến trúc dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp - thoát nước, công viên cây xanh, khu vui chơi giải trí, xử lý kỹ thuật môi trường, cung cấp điện dân dụng và chiếu sáng công cộng;
- Thiết kế kỹ thuật các công trình;
- Tư vấn thẩm định lập dự án và tổng mức đầu tư, thẩm định hồ sơ thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán công trình;
- Tư vấn thẩm định dự án như : Tư vấn giám sát kỹ thuật (tư vấn giám sát chất lượng xây dựng, tư vấn giám sát xây dựng công trình giao thông, giám sát thi công), tư vấn lập hồ sơ mời thầu, lập hồ sơ địa chính và cắm mốc giải phóng mặt bằng;
- Tổ chức kinh doanh dịch vụ công cộng, dịch vụ giao thông vận tải, dịch vụ thương mại, dịch vụ du lịch khách sạn;
- Đầu tư xây dựng các khu đô thị, công nghiệp, du lịch, vui chơi giải trí (trừ các loại hình vui chơi, giải trí nhà nước cấm), phát triển nhà ở và kinh doanh bất động sản;
- Thực hiện tổng thầu EPC, BOT, BT các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng;
- Thi công xây dựng và thực nghiệm chuyên giao công nghệ mới các công trình: Kiến trúc dân dụng, nhà ở, giao thông, thủy lợi các công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Sản xuất kinh doanh các loại vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị;
- Đánh giá chỉ tiêu cơ lý của các loại vật liệu xây dựng, đánh giá tác động môi trường, quan trắc biến dạng công trình;
- Lập quy hoạch hệ thống giao thông, các công trình văn hóa, di tích, thể thao, vui chơi giải trí;
- Lập Báo cáo đầu tư, dự án đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế kỹ thuật các công trình xây dựng;
- Phân tích đánh giá lựa chọn nhà thầu, kiểm định chất lượng vật liệu xây dựng và công trình xây dựng;
- Dịch vụ quảng cáo và dịch vụ vui chơi giải trí : kinh doanh điện lực;
- Thiết kế công trình xây dựng biển;
- Thiết kế công trình cảng đường thủy.
- Thiết kế công trình thủy lợi, thủy điện.
- Thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị.
- Thiết kế quy hoạch xây dựng, thiết kế kiến trúc công trình.
- Thi công xây dựng và thực nghiệm chuyên giao công nghệ mới các công trình văn hóa, hạ tầng xã hội, thủy điện.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm 2012 là tư vấn, khảo sát, thiết kế, giám sát thi công và thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Công cụ tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn và các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả khách hàng và các khoản phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp đích danh.

Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>2012</u>
	Số năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	07 - 10
Máy móc và thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải	03 - 08
Thiết bị dụng cụ quản lý	

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản lợi thế thương mại do cổ phần hóa, công cụ dụng cụ chờ phân bổ và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 2 năm.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Đại hội Cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hay sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tiền mặt	77.265.834	290.514.761
Tiền gửi ngân hàng	1.782.535.134	2.074.589.398
Tổng	1.859.800.968	2.365.104.159

5.2 Các khoản phải thu khác

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Phải thu về cổ phần hóa	76.063.200	79.852.200
Phải thu công trình	247.975.848	247.975.848
Phải thu người lao động	62.239.155	138.577.072
Kinh phí công đoàn	-	36.635.612
Phải thu giám sát thi công	721.058.972	721.058.972
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	115.571.777	231.139.554
Phải thu tiền thuế thầu phụ	-	104.169.823
Phải thu khác	250.259.215	271.352.446
Tổng	1.473.168.167	1.830.761.527

5.3 Hàng tồn kho

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	21.280.221.413	18.131.241.733
Tổng	21.280.221.413	18.131.241.733

(*) : Tại ngày 31/12/2012, số dư chi phí sản xuất kinh doanh không biến động nhiều năm của Công ty là 7.981.144.496 đồng, đây là những công trình tồn đọng lâu và Công ty đang chờ nghiệm thu quyết toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CCIC HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.4 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tạm ứng	1.688.251.714	1.835.039.836
Tổng	1.688.251.714	1.835.039.836

5.5 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tại ngày 01 tháng 01	8.688.848.046	1.060.618.331
Tăng trong năm	1.845.877.097	7.640.862.223
Giảm khác	6.483.006	12.632.508
Tại ngày 31 tháng 12	10.528.242.137	8.688.848.046
	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
<i>Chi tiết theo nội dung</i>		
Trụ sở Công ty tại phường Yên Hòa (*)	10.528.242.137	8.688.848.046
Tổng	10.528.242.137	8.688.848.046

(*) Giấy chứng nhận đầu tư số 0112100322 ngày 05/08/2009 của UBND thành phố Hà Nội với mục tiêu: Xây dựng trụ sở mới Công ty để giải phóng mặt bằng khu liên cơ Vân Hồ phục vụ yêu cầu triển khai dự án của thành phố. Thời gian hoạt động của dự án: 50 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CCIC HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.6 Tài sản cố định hữu hình

MẪU B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2012	3.042.912.198	409.011.694	1.797.319.545	745.263.321	5.994.506.758
Tăng trong năm	-	-	-	11.536.364	11.536.364
Mua trong năm	-	-	-	11.536.364	11.536.364
Giảm trong năm	-	-	-	454.145.938	454.145.938
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	454.145.938	454.145.938
Số dư tại 31/12/2012	3.042.912.198	409.011.694	1.797.319.545	302.653.747	5.551.897.184
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2012	735.368.365	374.369.938	1.282.456.470	707.988.348	3.100.183.121
Tăng trong năm	61.855.512	30.158.949	106.401.564	34.563.950	232.979.975
Khấu hao trong năm	61.855.512	30.158.949	106.401.564	34.563.950	232.979.975
Giảm trong năm	-	-	-	454.145.938	454.145.938
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	454.145.938	454.145.938
Số dư tại 31/12/2012	797.223.877	404.528.887	1.388.858.034	288.406.360	2.879.017.158
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2012	2.307.543.833	34.641.756	514.863.075	37.274.973	2.894.323.637
Tại 31/12/2012	2.245.688.321	4.482.807	408.461.511	14.247.387	2.672.880.026

Nguyên giá TSCĐ tại ngày 31/12/2012 đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng là 1.332.684.532 đồng.
Giá trị còn lại của TSCĐ tại ngày 31/12/2012 dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay là: 2.245.688.321 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CCIC HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.7 Chi phí trả trước dài hạn

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tại ngày 01 tháng 01	772.107.679	679.513.282
Tăng	503.848.279	499.390.378
Phân bổ vào chi phí trong năm	351.961.896	406.795.981
Tại ngày 31 tháng 12	923.994.062	772.107.679
<i>Chi tiết theo nội dung</i>	<i>31/12/2012</i>	<i>01/01/2012</i>
	VND	VND
Lợi thế thương mại	488.969.144	529.048.588
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	8.059.091
Các chi phí khác	435.024.918	235.000.000
Tổng	923.994.062	772.107.679

5.8 Vay ngắn hạn

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Vay ngắn hạn	9.501.795.816	12.020.171.000
Ngân hàng TMCP Công thương	2.137.154.816	2.699.000.000
- CN Chương Dương (1)		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (2)	300.000.000	2.000.000.000
Vay cá nhân	7.064.641.000	7.321.171.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	1.170.000.000	1.170.000.000
Tổng	10.671.795.816	13.190.171.000

1.1. Hợp đồng tín dụng số: 01-2012/HỆTD/NHCTCD-CCIC ngày 29/6/2012 với số tiền vay 2.000.000.000 đ. Thời hạn vay: cụ thể của mỗi lần giải ngân được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng. Mục đích vay: thanh toán chi phí quản lý của bộ phận văn phòng Công ty. Lãi suất áp dụng theo phương thức thả nổi điều chỉnh tối đa 3 tháng/lần. Đảm bảo tiền vay: thế chấp bằng giá trị còn lại và lợi thế thương mại của tài sản trên đất tại 21 Huỳnh Thúc Kháng - Đống Đa - Hà Nội.

1.2. Hợp đồng tín dụng số: 02-2012/HỆTD/NHCTCD-CCIC ngày 16/7/2012 với số tiền vay 1.000.000.000 đ. Thời hạn vay: 06 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích vay: thanh toán các chi phí để thực hiện hợp đồng số 04/2012/HĐ-MPMU-7H về việc khảo sát thiết kế bản vẽ thi công, dự toán dự án đầu tư xây dựng đường vành đai 2 (ngã Tư Sở - ngã Tư Vọng). Lãi suất áp dụng theo từng giấy nhận nợ và thay đổi tối đa 3 tháng/lần

(2) Hợp đồng tín dụng hạn mức số: SHB.TH4L0101/2011/HỆHMHN/SHB.TH ngày 28/1/2011 với số tiền vay tối đa 6.000.000.000 đ. Mục đích vay: vay vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ cụ thể. Phụ lục hợp đồng tín dụng số: SHB.TH4L0101/2011/PLHĐ-01/SHB.TH ngày 22/7/2012 và Phụ lục hợp đồng tín dụng số: SHB.TH4L0101/2011/PLHĐ-02/SHB.TH ngày 22/10/2012 về việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CCIC HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.9 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	4.717.645.262	4.682.504.385
Thuế thu nhập doanh nghiệp	243.867.797	431.167.739
Thuế thu nhập cá nhân	23.730.264	27.216.722
Các loại thuế khác	1.049.780.368	640.504.893
Tổng	6.035.023.691	5.781.393.739

5.10 Chi phí phải trả

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	810.607.300	626.245.800
Chi phí phải trả các hợp đồng KS, tư vấn thiết kế	4.989.265.924	7.027.351.041
Chi phí phải trả khác	92.125.000	82.000.000
Tổng	5.891.998.224	7.735.596.841

5.11 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	27.241.223	-
Bảo hiểm xã hội, y tế	807.599.747	-
Phải trả về cổ phần hóa	82.932.200	82.932.200
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.832.502.648	4.224.888.730
- Phải trả các chủ nhiệm đồ án và GSTC	4.446.652.157	2.828.275.724
- Phải trả giám sát thi công	-	741.583.611
- Chi phí ăn ca, đồng phục	185.320.000	150.400.000
- Thù lao hội đồng quản trị và BKS	285.500.000	187.500.000
- Phải trả, phải nộp khác	915.030.491	317.129.395
Tổng	6.750.275.818	4.307.820.930

5.12 Vay và nợ dài hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay dài hạn	3.217.500.000	4.387.500.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (*)	3.217.500.000	4.387.500.000
Nợ dài hạn	-	-
Tổng	3.217.500.000	4.387.500.000

(*) Hợp đồng tín dụng trung hạn số 002L0309/2011/HĐTĐ/TDĐH-PN/SHB Hà Nội tháng 09/2011 với số tiền vay 5.850.000.000 đồng. Mục đích vay: thanh toán tiền mua đất theo giá đền bù GPMB khu đất 1.179m² đất tại phường Yên Hòa để xây dựng trụ sở Công ty. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất vay: 23%/năm. Lãi suất điều chỉnh 03 tháng/01 lần bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND mức lãi suất cao nhất sau kỳ hạn 13 tháng của SHB tại thời điểm điều chỉnh + lãi tối thiểu 6.0%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CCIC HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.13 Vốn chủ sở hữu

Biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân
Số dư tại 01/01/2011	10.000.000.000	1.542.301	1.204.254.270	(29.910.941)	1.384.599.798
Tăng trong năm	-	-	128.221.624	64.078.275	1.118.374.098
Lãi/lỗ	-	-	-	-	1.118.374.098
Trích quỹ	-	-	128.221.624	64.078.275	-
Giảm trong năm	-	-	-	34.167.334	1.384.599.798
Trích quỹ	-	-	-	-	384.599.798
Chia cổ tức	-	-	-	-	1.000.000.000
Xử lý công nợ trước cổ phần hóa	-	-	-	34.167.334	-
Số dư tại 31/12/2011	10.000.000.000	1.542.301	1.332.475.894	-	1.118.374.098
Số dư tại 01/01/2012	10.000.000.000	1.542.301	1.332.475.894	-	1.118.374.098
Tăng trong năm	-	-	111.837.410	47.349.639	201.915.284
Lãi năm nay	-	-	-	-	201.915.284
Trích quỹ	-	-	111.837.410	47.349.639	-
Giảm trong năm	-	-	-	47.349.639	1.118.374.098
Trích quỹ	-	-	-	-	318.374.098
Chia cổ tức	-	-	-	-	800.000.000
Giảm khác	-	-	-	47.349.639	-
Số dư tại 31/12/2012	10.000.000.000	1.542.301	1.444.313.304	-	201.915.284

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	10.000.000.000	10.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	10.000.000.000	10.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	800.000.000	1.000.000.000

Cổ phiếu

	Năm 2012	Năm 2011
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.000.000	1.000.000
Cổ phiếu phổ thông	1.000.000	1.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: (VND/CP)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CCIC HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.14 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu dịch vụ tư vấn, khảo sát và thiết kế và dịch vụ khác	19.611.164.473	36.980.868.520
Doanh thu cho thuê văn phòng	-	548.760.000
Tổng	19.611.164.473	37.529.628.520
Giảm giá hàng bán	131.163.797	882.939.269
Doanh thu thuần	19.480.000.676	36.646.689.251

5.15 Giá vốn hàng bán

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn dịch vụ tư vấn, khảo sát và thiết kế và dịch vụ khác	13.704.339.376	28.117.028.477
Tổng	13.704.339.376	28.117.028.477

5.16 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	27.973.572	73.615.343
Tổng	27.973.572	73.615.343

5.17 Chi phí tài chính

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí lãi vay	1.186.390.058	1.672.358.728
Tổng	1.186.390.058	1.672.358.728

5.18 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.139.032.302	3.188.350.590
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	184.772.815	257.980.615
Chi phí khấu hao tài sản cố định	146.298.004	177.576.192
Thuế, phí và lệ phí	24.414.064	80.633.391
Chi phí dịch vụ mua ngoài	456.068.526	740.960.753
Chi phí bằng tiền khác	1.299.977.817	1.697.469.596
Tổng	4.250.563.528	6.142.971.137

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CCIC HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.19 Thu nhập khác

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Hoàn nhập chi phí trích trước	-	851.608.260
Hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	241.013.885	-
Quyết toán giá trị công trình	-	114.328.725
Thu nhập khác	51.836.364	57.969.804
Tổng	292.850.249	1.023.906.789

5.20 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	386.493.092	1.549.541.837
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	<i>351.818.138</i>	<i>175.129.120</i>
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Lợi nhuận tính thuế TNDN	738.311.230	1.724.670.957
Thuế suất	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	184.577.808	431.167.739

5.21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	201.915.284	1.118.374.098
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (CP)	201.915.284	1.118.374.098
CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.000.000	1.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	202	1.118

5.22 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.442.174.015	2.580.421.249
Chi phí nhân công	9.350.840.156	22.192.162.943
Chi phí khấu hao tài sản cố định	232.979.975	232.979.975
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.530.097.097	7.568.155.423
Chi phí khác bằng tiền	5.662.783.165	6.026.897.718
Tổng	23.218.874.408	38.600.617.308

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch với các bên liên quan

Thu nhập của các nhân sự chủ chốt

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Hội đồng Quản trị. và Ban Kiểm soát	Thù lao	98.000.000	120.000.000
Ban Giám đốc và HĐQT	Tiền lương, thưởng	703.231.000	907.846.000

6.2 Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.859.800.968	2.365.104.159
Phải thu khách hàng và phải thu khác	28.011.384.443	36.198.572.329
Tổng cộng	29.871.185.411	38.563.676.488
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	13.889.295.816	17.577.671.000
Phải trả khách hàng và phải trả khác	9.896.219.425	7.978.819.667
Chi phí phải trả	5.891.998.224	7.735.596.841
Tổng cộng	29.677.513.465	33.292.087.508

Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính, do vậy Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

